

Số: 372 /TB-CTSV

Cần Thơ, ngày 07 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc kết quả học bổng "*Khuyến học Đại học Cần Thơ*"
năm học 2025 – 2026

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị có liên quan

Theo Thông báo số 295/TB-CTSV, ngày 15/08/2025 về xét cấp học bổng "Khuyến học Đại học Cần Thơ" – Tân sinh viên khóa 51 của Đại học Cần Thơ; Phòng Công tác sinh viên xin thông báo kết quả xét cấp học bổng như sau:

1. Danh sách sinh viên được xét cấp học bổng:

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
1.	B2500145	Nguyễn Văn Kha	Công nghệ thực phẩm	DA2508A1	Viện CNSH & TP	
2.	B2507970	Mai Văn Chí Khanh	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	DA2508F2		
3.	B2503381	Lê Đình Tâm	Công nghệ sinh học	DA2566A2		
4.	B2505393	Võ Minh Đạt	Truyền thông đa phương tiện	DI25D1A1	Trường CNTT & TT	
5.	B2509758	Huỳnh Văn Quyên	Công nghệ thông tin	DI25V7A2		
6.	B2509844	Phạm Thị Nhi	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	DI25V7F1		
7.	B2511679	Đặng Minh Thông	Khoa học máy tính	DI25Z6A1	Khoa Ngoại ngữ	
8.	B2509000	Võ Thị Bích Tuyền	Ngôn ngữ Anh	FL25V1A1		
9.	B2509165	Đặng Như Phụng	Ngôn ngữ Anh	FL25V1A4		
10.	B2509183	Phan Trần Phú Vinh	Ngôn ngữ Anh	FL25V1A4	CSHG	
11.	B2501702	Trần Thị Minh Châu	Quản trị kinh doanh	HG2522A1		
12.	B2508815	Lương Đức Bình	Kinh doanh nông nghiệp	HG25U7A1		
13.	B2504725	Nguyễn Thị Tố Trinh	Sinh học	KH2594A1	Khoa KHTN	
14.	B2507494	Nguyễn Trọng Phúc	Hóa dược	KH25T3A1		
15.	B2507500	Bùi Thanh Thúy	Hóa dược	KH25T3A1		

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
16.	B2501276	Nguyễn Thanh Hoàng	Kế toán	KT2520A2	Trường Kinh tế	
17.	B2501279	Trần Phạm Mai Hương	Kế toán	KT2520A2		
18.	B2501484	Nguyễn Thị Hồng Trân	Tài chính - Ngân hàng	KT2521A2		
19.	B2509415	Phùng Minh Trí	Kiểm toán	KT25V5A1		
20.	B2510573	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	Kinh doanh quốc tế	KT25W4A2		
21.	B2502904	Nguyễn Trường An	Luật	LK2563A1	Khoa Luật	
22.	B2502963	Trần Ngọc Anh Thư	Luật	LK2563A1		
23.	B2507332	Ung Thụy Huyền Lam	Luật kinh tế	LK25S9A2		
24.	B2501121	Huỳnh Ngọc Tân	Nông học	NN2519A1	Trường Nông nghiệp	
25.	B2503641	Sơn Trần Tuyết Trâm	Thú y	NN2567A2		
26.	B2503741	Nguyễn Quốc Khang	Thú y	NN2567F1		
27.	B2504085	Huỳnh Thị Trúc Phượng	Bảo vệ thực vật	NN2573A3		
28.	B2509963	Lê Thị Hồng Phúc	Sinh học ứng dụng	NN25V8A1		
29.	T2500302	Nguyễn Thị Hào	Dự bị đại học	DB252909	Trường Sư phạm	
30.	B2500042	Nguyễn Thị Ngọc Nga	Sư phạm Toán học	SP2501A1		
31.	B2500103	Lê Hữu Nghĩa	Sư phạm Vật lý	SP2502A1		
32.	B2500972	Lê Kim Mỹ	Sư phạm Ngữ văn	SP2517A1		
33.	B2505963	Đặng Thị Mỹ Duyên	Giáo dục Mầm non	SP25E1A2		
34.	B2506143	Lê Thị Bích Châm	Tâm lý học giáo dục	SP25E4A1		
35.	B2506157	Lê Ngọc Huy	Tâm lý học giáo dục	SP25E4A1		
36.	B2508927	Chau Kim Sanh	Sư phạm Tin học	SP25U8A1		
37.	B2510941	Trương Thị Diễm My	Giáo dục Tiểu học	SP25X3A1		

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
38.	B2511006	Thạch Thị Pi Sey	Giáo dục Tiểu học	SP25X3A2		
39.	B2511194	Dương Hữu Phước	Giáo dục Thể chất	TD25X6A2		
40.	B2505804	Lê Thị Thảo Uyên	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	ST25D5A1	Trường Bách khoa	
41.	B2504465	Trương Mẫn Quân	Quản lý công nghiệp	TN2583A1		
42.	B2504472	La Nhật Thịnh	Quản lý công nghiệp	TN2583A1		
43.	B2504446	Trần Thị Ái Linh	Quản lý công nghiệp	TN2583A2		
44.	B2504488	La Ngô Thục Trinh	Quản lý công nghiệp	TN2583A2		
45.	B2505097	Võ Anh Hiếu	Kỹ thuật ô tô	TN25B1A1		
46.	B2506948	Châu Tiến Đạt	Kỹ thuật cơ điện tử	TN25S3A1		
47.	B2507889	Lê Vĩnh Hào	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	TN25T6A2		
48.	B2508251	Lê Duy Hải	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	TN25T7F1		
49.	B2508307	Võ Minh Toàn	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	TN25T7F2		
50.	B2509499	Nguyễn Vương Khả Minh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	TN25V6A1		
51.	B2509524	Nguyễn Đỗ Khánh Toàn	Công nghệ kỹ thuật hóa học	TN25V6A1		
52.	B2511549	Nguyễn Minh Khôi	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	TN25Y8A2		
53.	B2500751	Nguyễn Anh Thư	Nuôi trồng thủy sản	TS2513A3	Trường Thủy sản	
54.	B2506926	Nguyễn Lê Kim Ngân	Quản lý thủy sản	TS25S2A1		
55.	B2510014	Phạm Trần Nhật Khánh	Chính trị học	ML25V9A1	Khoa KHCT, XH & NV	
56.	B2511125	Lê Thị Như Ý	Giáo dục Công dân	ML25X4A1		
57.	B2504197	Trịnh Thị Ngọc Mai	Thông tin - Thư viện	XH2580A1		
58.	B2506613	Nguyễn Ngọc Diễm	Du lịch	XH25N2A2		

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
59.	B2506647	Trương Thị Thanh Thảo	Du lịch	XH25N2A2		
60.	B2510688	Nguyễn Việt Hà	Văn học	XH25W7A1		

Tổng số theo danh sách có **60** người.

2. Giá trị suất học bổng: mỗi suất học bổng trị giá **3.000.000** đồng (*Ba triệu đồng*).

3. Thời gian và địa điểm nhận học bổng: sẽ có thông báo sau.

Phòng Công tác Sinh viên xin thông tin đến Quý Thủ trưởng các đơn vị có liên quan được rõ.

Trân trọng kính chào./.

TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: CTSV.

Nguyễn Thanh Tường